

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Giáo trình TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 22.5.2021

TỜ VÒ AI KHÉO GỠ?
Kinh Triền Phục (Jaṭāsuttam)
CHƯƠNG I. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN, PHẨM KIẾM

Có thực sống, thực tu mới thấy được muôn vàn rối rắm của cả hai thế giới nội tại và ngoại tại. Ngay cả khi nhận ra được sự phức tạp của vấn đề không có nghĩa đã tìm ra giải pháp. Trong bài kinh này, một vị thiên đã ý thức sự hỗn tạp muôn ngàn đầu mối của giòng sanh tử nên đã nói lên câu hỏi trước Phật. Từ lời dạy của Bạc Đại Giác cho thấy con đường tam học, bát chánh là sự hành trì có phương pháp, có thứ lớp để vượt thoát giòng hiện hữu trùng trùng ma chướng ngoài lẫn trong.



Kinh Văn

Sāvattṇinidānaṃ . Ekamantaṃ ̣hitā kho sā devatā bhagavato santike imaṃ gāthaṃ abhāsi :

... Nhân duyên ở (Sāvattṇī), Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

**"Anto jaṭā bahi jaṭā,
jaṭāya jaṭitā pajā.
Taṃ taṃ gotama pucchāmi,
ko imaṃ vijaṭaye jaṭanti..**

*Nội triền và ngoại triền,
Chúng sanh bị triền phục,
Con hỏi Gotama,
Ai thoát khỏi triền này?*

Bản hiệu đính

*Rối trong và rối ngoài
Bị rối trong cái rối
Con hỏi Gotama
Ai gỡ được rối này*

(Thế Tôn):

"Sīle patitṭhāya naro sapañño, cittaṃ paññañca bhāvayaṃ.
Ātāpī nipako bhikkhu, so imaṃ vijaṭaye jaṭaṃ..
"Yesaṃ rāgo ca doso ca, avijjā ca virājitā.
Khīṇāsavā arahanto, tesam vijaṭitā jaṭā..
"Yattha nāmañca rūpañca, asesam uparujjhati.
Paṭighaṃ rūpasaññā ca, etthesā chijjate [vijaṭe (ka.)] jaṭāti..

*Người trí giới có trí,
Tu tập tâm và tuệ,
Nhiệt tâm và thận trọng,
Tỳ-kheo ấy thoát triền.
Với ai, đã từ bỏ
Tham, sân và vô minh,
Bậc Lậu tận, Ứng cúng,
Vị ấy thoát triền phược.
Chỗ nào danh và sắc,
Được đoạn tận, vô dư,
Đoạn chương ngại, sắc tướng,
Chỗ ấy triền phược đoạn.*

Bản hiệu đính

*Người trí vững trí giới
Tu tập tâm và tuệ
Với nhiệt tâm, thận trọng
Tỳ kheo thoát mê đồ*

*Người loại bỏ tham, sân
Vô minh cũng chẳng còn
Bậc ứng cúng lậu tận
Vị ấy thoát mê đồ*

*Chỗ nào danh và sắc
Tịch nhiên không dư sót
Không ngại tướng, sắc tướng
Mọi rối rắm không còn*



Thích văn

jaṭa: gút mắc, triền phược, rối rắm

sīle patitṭhāya: an lập trên giới

uparujjhati: ngừng nghỉ, tịch lặng

paṭighaṃ: va chạm, ngại (tướng)

rūpasaññā: sắc tướng



Thích nghĩa

Chữ jaṭā chỉ cho sự rời ren như chỉ rời. Ở đây trong cách dịch thoát cũng hiểu như mê đồ. Càng tháo gỡ càng rời thêm.

Theo sớ giải thì Đức Phật trả lời vị thiên với ba câu kệ.

Kệ ngôn thứ nhất nói về sự vượt thoát của bậc hữu học với sự tu tập định và tuệ sau khi đã khéo an trú trong giới.

Kệ ngôn thứ hai nói về sự vượt thoát của bậc thánh vô học với sự đoạn tận tham, sân, vô minh.

Kệ ngôn thứ ba nói về sự vượt thoát hữu vi pháp với chấm dứt lệ thuộc vào cả hai hiện tượng giới là danh và sắc. Paṭigha theo Sớ giải là cách nói ngắn của paṭighasaññā - ngại tưởng - chỉ cho sự lệ thuộc của tâm đối với năm cảnh dục (dục giới) trong lúc rūpasaññā - sắc tưởng - chỉ cho sự lệ thuộc của tâm đối với thiền chứng sắc và vô sắc.

Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng

-ooOoo-

3. Jaṭāsuttam [Mūla]

23. "Anto jaṭā bahi jaṭā, jaṭāya jaṭitā pajā.
Taṃ taṃ gotama pucchāmi, ko imaṃ vijaṭaye jaṭanti..
"Sīle patitṭhāya naro sapañño, cittaṃ paññaṅca bhāvayaṃ.
Ātāpī nipako bhikkhu, so imaṃ vijaṭaye jaṭaṃ..
"Yesaṃ rāgo ca doso ca, avijjā ca virājitā.
Khīṇāsavā arahanto, tesam vijaṭitā jaṭā..
"Yattha nāmaṅca rūpaṅca, asesam uparujjhati.
Paṭighaṃ rūpasañña ca, etthesā chijjate [vijaṭe (ka.)] jaṭāti..

3. Jaṭāsuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

23. Tatiye **antojaṭāti** gāthāyaṃ **jaṭāti** taṇhāya jāliniyā adhivacanaṃ. Sā hi rūpādīsu ārammaṇesu hetṭhupariyavasena punappunaṃ uppajjanato saṃsibbanatṭhena veḷugumbādīnaṃ sākḥajālasaṅkhātā jaṭā viyāti jaṭā. Sā panesā sakaparikkhāraparaparikkhāresu sakaattabhāva-paraattabhāvesu ajjhattikāyatana-bāhirāyatanesu ca uppajjanato **antojaṭā bahijaṭāti** vuccati. Tāya evaṃ uppajjamānāya **jaṭāya jaṭitā pajā**. Yathā nāma veḷujaṭādīhi veḷuādayo, evaṃ tāya taṇhājaṭāya sabbāpi ayam sattanikāyasaṅkhātā pajā jaṭitā vinaddhā, saṃsibbitāti attho. Yasmā ca evaṃ jaṭitā, **taṃ taṃ gotama pucchāmīti** tasmā taṃ pucchāmi. **Gotamāti** bhagavantaṃ gottena ālapati. **Ko imaṃ vijaṭaye jaṭanti** imaṃ evaṃ tedhātukaṃ jaṭetvā ṭhitaṃ jaṭaṃ ko vijaṭeyya, vijaṭetum ko samatthoti pucchati.

Athassa bhagavā tamatthaṃ vissajjento **sīle patitṭhāyāti**ādimāha. Tattha **sīle patitṭhāyāti** catupārisuddhisīle ṭhatvā. Ettha ca bhagavā jaṭāvijaṭanaṃ pucchito sīlaṃ ārabhanto na “aññaṃ puṭṭho aññaṃ katheti”ti veditabbo. Jaṭāvijaṭakassa hi patitṭhādassanatthamettha sīlaṃ kathitaṃ.

Naroti satto. **Sapañnoti** kammajatihetukapaṭisandhipaññāya paññavā. **Cittaṃ paññaṅca bhāvayanti** samādhiñceva vipassanaṅca bhāvayaṃmāno. Cittasīsena hettha aṭṭha samāpattiyo kathitā, paññānāmena vipassanā. **Ātāpīti** vīriyavā. Vīriyaṅhi kilesānaṃ ātāpanaparitāpanatṭhena “ātāpo”ti vuccati, tadassa atthīti ātāpī. **Nipakoti** nepakkaṃ vuccati paññā, tāya samannāgatoti attho. Iminā padena pārihāriyapaññaṃ dasseti. **Pārihāriyapaññā** nāma “ayam kālo uddesassa, ayam kālo paripucchāyā”tiādinā nayena sabbattha kārāpitā pariharitabbapaññā. Imasmiṅhi paññābyākaṇe tikkhattum paññā āgatā. Tattha paṭhamā jātipaññā, dutiyā vipassanāpaññā, tatiyā sabbakiccapariṇāyikā pārihāriyapaññā.

So imaṃ vijaṭaye jaṭanti so imehi sīlādīhi samannāgato bhikkhu. Yathā nāma puriso pathaviyaṃ paṭiṭṭhāya sunisitaṃ satthaṃ ukkhipitvā mahantaṃ veḷugumbam vijaṭeyya, evamevaṃ sīle paṭiṭṭhāya samādhisilāyaṃ sunisitaṃ vipassanāpaññāsattaṃ vīriyabalapaggahitena pārihāriyapaññāhatthena ukkhipitvā sabbampi taṃ attano santāne patitaṃ taṇhājaṭaṃ vijaṭeyya sañchindeyya sampadāleyyāti.

Ettāvatā sekhabhūmiṃ kathetvā idāni jaṭaṃ vijaṭetvā ṭhitaṃ mahākhīṇāsavaṃ dassento **yesanti**ādīmāha. Evaṃ jaṭaṃ vijaṭetvā ṭhitaṃ khīṇāsavaṃ dassetvā puna jaṭāya vijaṭanokāsaṃ dassento **yattha nāmañcāti**ādīmāha. Tattha **nāmaṃti** cattāro arūpino khandhā. **Paṭighaṃ rūpasaññā cāti** ettha paṭighasaññāvasena kāmabhavo gahito, rūpasaññāvasena rūpabhavo. Tesu dvīsu gahitesu arūpabhavo gahitova hoti bhavaśāṅkhepenāti. **Etthesā chijjate jaṭāti** ettha tebhūmakavaṭṭassa pariyādiyaṇaṭṭhāne esā jaṭā chijjati, nibbānaṃ āgamma chijjati nirujjhatīti ayaṃ attho dassito hoti. Tatiyaṃ.